TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/LĐ-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Chương

2. Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2025/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987

Thường trú: Số G, Đường C, phường T, thành phố T (nay phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Trụ sở: Số A, Đường I, Khu dân cư N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Bửu Đ, sinh năm 1969

Thường trú: Số C, Đường V, Phường C, quận B (nay phường G), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty) từ ngày 29/5/2022 theo Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 29/5/2022 đến ngày 28/5/2023, vị trí làm việc là nhân viên thu mua, mức lương theo hợp đồng lao động là 4.730.000 đồng/tháng. Ngày 29/5/2023, bà T và Công ty ký tiếp hợp đồng lao động

xác định thời hạn 03 năm từ ngày 29/5/2023 đến ngày 28/5/2026, vị trí công việc là nhân viên thu mua, mức lương cơ bản theo hợp đồng là 5.008.000 đồng/tháng, ngoài ra, Công ty còn trả tiền thưởng hiệu quả, phụ cấp điện thoại 500.000 đồng/tháng, phụ cấp cơm 730.000 đồng/tháng, phụ cấp trang phục 400.000 đồng/tháng, phụ cấp công tác phí 1.000.000 đồng/tháng, tiền lương thực nhận hàng tháng là 12.599.000 đồng. Công ty Đ1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T theo lức lương 5.008.000 đồng/tháng. Công ty thanh toán lương đầy đủ cho bà T đến tháng 4/2024. Từ tháng 5/2024, Công ty chỉ thanh toán 35% mức lương và còn nợ lương tháng 6/2024, tháng 7/2024 và ½ lương tháng 8/2024. Đến ngày 15/8/2024, bà T nghỉ việc tại Công ty. Ngày 17/9/2024, bà T và Công ty đã ký biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động, theo đó, Công ty quyết định thanh toán tiền lương tháng 5/2024, tháng 6/2024, tháng 7/2024, tháng 8/2024 mà Công ty còn nợ là 38.572.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận và Công ty cũng không đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2024 và bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02/2024 đến tháng 7/2024. Do đó, bà T khởi kiện với các yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T phần tiền lương còn nợ của tháng 5/2024, 6/2024, 7/2024, 8/2024, tổng cộng là 38.572.000 đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) cho bà Phạm Thị T từ tháng 6/2022 đến hết tháng 5/2023 trên mức lương 4.730.000 đồng/tháng, từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng.

- Đóng bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt là BHTN) cho bà Phạm Thị T từ tháng 02/2024 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng.

2. Bị đơn Công ty Cổ phần C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

3.1 Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn xin vắng mặt và xác định yêu cầu khởi kiện, gồm: Yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Thúy P tiền lương còn nợ của tháng 5/2024, 6/2024, 7/2024, 8/2024, tổng cộng là 38.572.000 đồng; Đóng BHXH, BHTN cho bà Phạm Thị T từ tháng 6/2022 đến hết tháng 5/2023 trên mức lương 4.730.000 đồng/tháng, từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/7/2025, bà T xác định, trước đây, tại đơn khởi kiện và các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà T chỉ yêu cầu bị đơn đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 2/2024 đến tháng 7/2024 là do bà T xem thông tin trên Cổng thông tin VSSID của B thì bị đơn đóng còn thiếu giai đoạn từ tháng 2/2024 đến tháng 7/2024. Tuy nhiên, sau khi liên hệ Bảo hiểm xã hội Quận G và xem Văn bản số 538/BHXH-TST ngày 19/5/2025 của Bảo hiểm xã hội Q thì bị đơn chưa đóng BHXH, BHTN cho bà T từ tháng 06/2022 đến hết tháng 5/2023, mức lương đóng 4.730.000 đồng/tháng và từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024, mức lương đóng 5.008.000 đồng/tháng. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu bị đơn đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà T trong toàn bộ quá trình làm việc tại Công ty.

3.2 Bị đơn Công ty Cổ phần C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Căn cứ Văn bản số 3934/ĐKKD-T6 ngày 17/6/2025 của Sở Tài chính Thành phố H thì bị đơn có trụ sở tại số A, Đường I, Khu dân cư N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: "*Nếu tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương ... thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết"*. Nguyên đơn bà T cư trú tại số G, Đường C, phường T, thành phố T (nay phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì quan hệ tranh chấp là tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn bà T có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn Công ty Cổ phần C do ông Đỗ Văn Bửu Đ đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Xét, bà T trình bày tại đơn khởi kiện, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà T chỉ yêu cầu Công ty đóng BHTN từ tháng 2/2024 đến tháng 7/2024 là do xem thông tin trên Cổng thông tin VSSID của B. Tuy nhiên, sau khi liên hệ Bảo hiểm xã hội Quận G và xem Văn bản số 538/BHXH-TST ngày 19/5/2025 của Bảo hiểm xã hội Quận G thì bà T mới biết bị đơn chưa đóng BHXH, BHTN cho bà T trong toàn bộ quá trình làm việc tại Công ty nên bà T yêu cầu

Công ty Đ2 bổ sung từ tháng 6/2022 đến tháng 01/2024. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của bà T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, việc bổ sung này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung này của bà T.

[2] Về nội dung:

Bị đơn Công ty Cổ phần C do ông Đỗ Văn Bửu Đ đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền lương, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng lao động số HĐLĐ.154/F22-52 ngày 29/5/2022, Hợp đồng lao động số HĐLĐ.342/F22-52 ngày 29/5/2023 giữa Công ty Cổ phần C và bà Phạm Thị T, Quyết định (V/v chấm dứt HĐLĐ) số NV.362/F22-52 ngày 15/8/2024 của Công ty Cổ phần C và lời trình bày của bà T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 29/5/2022 và chấm dứt kể từ ngày 15/8/2024 theo nguyện vọng của bà T.

Theo Biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động ngày 17/9/2024, Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn số tài khoản 060277044369, tên khách hàng: Pham Thi T của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh N – Phòng G và Sổ phụ kiêm báo nợ, báo có số tài khoản 0933375375, tên khách hàng: Pham Thi T của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Thành phố H – Phòng G1 thì Công ty còn nợ bà T tiền lương tháng 5/2024, tháng 6/2024, tháng 7/2024 và tháng 8/2024, tổng số tiền là 38.572.000 đồng và vẫn chưa chi trả cho bà T theo nội dung Biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động ngày 17/9/2024.

Căn cứ Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *"Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc"*.

Do Công ty không trả tiền lương còn nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả cho bà T tiền lương còn nợ 38.572.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu đóng BHXH, BHTN, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án đã giải thích các quy định của pháp luật về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và mức đóng hàng tháng. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu đóng BHXH, BHTN cho bà Phạm Thị T từ tháng 6/2022 đến hết tháng 5/2023 trên mức lương 4.730.000 đồng/tháng, từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng. Bà T không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đã nêu.

Theo Văn bản số 1891/BHXH-TST ngày 08/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T, bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty, đóng tại Bảo hiểm xã hội Q.

Theo Văn bản số 538/BHXH-TST ngày 19/5/2025 của Bảo hiểm xã hội Q thì bà T có mã số BHXH 7513172127 tham gia tại Công ty. Tính đến thời điểm tháng 4/2025, Công ty đã thanh toán BHXH, BHTN đến hết tháng 4/2022 nên Bảo hiểm xã hội Quận G chưa thực hiện quá trình tham gia cho người lao động trên.

Theo bà T trình bày, qua tìm hiểu tại Bảo hiểm xã hội Quận G thì Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và không đóng cho bà T.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019, khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 3 Luật Việc làm năm 2013, bà T thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.

Đồng thời, Điều 5 và khoản 2, 3 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: *Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính trên cơ sở tiền lương tháng của người lao động*.

Điều 58 Luật Việc làm quy định: *Người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.*

Bà T yêu cầu Công ty đóng BHXH, BHTN cho bà T từ tháng 6/2022 đến hết tháng 5/2023 trên mức lương 4.730.000 đồng/tháng, từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 90, Điều 95 Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 2, Điều 5, Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Điều 3, Điều 58 Luật Việc làm năm 2013;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần C trả tiền lương còn nợ cho bà Phạm Thị T số tiền tổng cộng là 38.572.000 *(Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn)* đồng.

1.2 Buộc Công ty Cổ phần C có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phạm Thị T từ 6/2022 đến hết tháng 5/2023 theo mức lương 4.730.000 *(Bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn)* đồng/tháng, từ tháng 6/2023 đến hết tháng 7/2024 theo mức lương 5.008.000 *(Năm triệu lẻ tám nghìn)* đồng/tháng, tỷ lệ đóng theo quy định của pháp luật, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C phải chịu 1.157.160 *(Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn một sáu mươi)* đồng.

Bà Phạm Thị T được miễn tạm ứng án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T và Công ty Cổ phần C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND Khu vực 2 - TPHCM;
- Thi hành án Dân sự TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 2 – TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu